

Bản án số: 07/2024/DS-ST  
Ngày: 02 -7 - 2024  
V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Hoài, ông Bùi Văn Hồng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 51/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXX - ST ngày 16 tháng 5 năm 2024, thông báo mở lại số 08/TB-TA ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Việt H, sinh năm: 1950; địa chỉ: Tổ 7, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn Hội, sinh ngày: 1992; địa chỉ: Tổ liên gia 1, thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Lê Thị X; sinh năm: 1954; địa chỉ: Thôn G 1, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền:* bà M Thị T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn G 1, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Việt H; sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn G 1, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. *Người đại diện theo ủy quyền:*
  - Ông Nguyễn Ngọc T – Trưởng phòng Tài nguyên môi trường. (Có mặt)
  - Ông Nguyễn Anh T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên môi trường. (Vắng mặt)
  - Ông Phan Tuấn C – Chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường. (Vắng mặt)
2. UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị N1 – cán bộ địa chính. (Có mặt)
3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)
4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)  
*Người đại diện theo ủy quyền:*
  - Ông Nguyễn Viết H, sinh năm: 1950; địa chỉ: Tổ 7, phường L, quận Hi, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)
  - Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã Hoàng Mahạch Long, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)
5. Anh Nguyễn Viết S, sinh năm: 1983; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn G 1, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Viết H trình bày:***

Cha mẹ của ông H là cụ Nguyễn Viết H1 (chết năm 2013), cụ Nguyễn Thị E (chết năm 2013), nhưng không để lại di chúc. Cụ E, cụ H1 có sinh được 05 người con gồm: Ông Nguyễn Viết C (chết năm 2010); ông Nguyễn Viết H; ông Nguyễn Viết T (hy sinh năm 1971); Bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M. Ông Nguyễn Viết C có vợ là bà Lê Thị X và 02 con là anh Nguyễn Viết H, anh Nguyễn Viết S. Ông Nguyễn Viết T hy sinh không có vợ con.

Khi cụ H và cụ E còn sống tạo lập được tài sản gồm 01 thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số BS560070 mang tên Nguyễn Viết H1, Lê Thị E với diện tích 1295,5m<sup>2</sup> (trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở, 1095,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và 01 ngôi nhà gắn liền với đất được xây dựng năm 2009 ( nhà nước hỗ trợ 20.000.000 đồng, bà N đóng góp 15.000.000 đồng và công xây bà M đóng góp công xây,

ông H đóng góp 105.000.000 đồng, anh Sơn đóng góp gạch lát 5.000.000 đồng, phần còn lại là các cụ).

Từ khi các cụ mất, các con thay nhau về trông coi, hương khói. Tuy nhiên, vào năm 2021, bà Lê Thị X và anh Nguyễn Viết H tự ý sửa chữa nhà và ở khi chưa được sự cho phép của các đồng thừa kế nên các đồng thừa kế đã có đơn kiến nghị đến UBND xã T yêu cầu dừng sửa chữa. Nhiều lần các đồng thừa kế đã thỏa thuận chia di sản thừa kế nhưng bà Lê Thị X và anh Nguyễn Viết H không những không hợp tác mà còn có hành vi dọa giẫm. Vì những lý do trên, ông H yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ H, cụ E để lại đối thừa đất và nhà gắn liền với đất, yêu cầu bà Lê Thị X, anh Nguyễn Viết H trả lại để chia cho các đồng thừa kế.

**\* Quá trình giải quyết vụ án - Bị đơn anh Nguyễn Viết H, bà Lê Thị X thống nhất trình bày:** Về nguồn gốc thừa đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E. cụ H, cụ E đều chết vào năm 2013, khi các cụ chết không để lại di chúc. cụ H, cụ E sinh được 05 người con gồm: Ông Nguyễn Viết C (chết năm 2011); Nguyễn Viết H; ông Nguyễn Viết T (hy sinh năm 1971); Bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M. Bà Lê Thị X là vợ của ông Nguyễn Viết C, ông C mất năm 2011; ông C và bà X có 02 con là anh Nguyễn Viết H, anh Nguyễn Viết S.

Ngoài ra, bà Lê Thị X trình bày: Ngày 16/02/2010, 02 cụ được hưởng chính sách Liệt Sĩ, được nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà 30.000.000 đồng, đồng thời với tiền tích góp của 2 cụ cùng con cháu đóng góp công sức và tiền xây nên ngôi nhà cấp 4 trên đất. Khi cụ H, cụ E còn sống bà X có trách nhiệm chăm sóc, khi các cụ chết, bà X là người thờ phụng, hương khói, chăm nom soạn sửa nhà thờ. Năm 2021, bà X và anh H đã bỏ kinh phí tu sửa nhà gồm: Mái lợp ngói trước và sân sau trị giá khoảng 300.000.000 đồng và về sinh sống tại căn nhà đó. Do cụ H, cụ E chết không để lại di chúc nhưng nguyện vọng khi các cụ sống muốn giao toàn bộ tài sản cho anh Nguyễn Viết H ở và thờ tự. Anh Nguyễn Viết H trình bày: anh H ở với các cụ từ bé đến lớn và từ năm 2021 đến nay anh H đang ở trên nhà và thừa đất của các cụ để lo hương khói, bà X có nguyện vọng giữ lại ngôi nhà cấp 4 để làm ngôi nhà chung để thờ phụng tổ tiên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị X, anh Nguyễn Viết H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M thống nhất trình bày:**

Cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E đều chết năm 2013 và không để lại di chúc. Nguồn gốc thừa đất tranh chấp có giấy CNQSDĐ số BS 560070 mang tên ông Nguyễn Viết H1 và bà Nguyễn Thị E, thửa số 130, tờ bản đồ số 16, tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 1295,5 m<sup>2</sup>. Cụ Nguyễn

Viết H1, cụ Lê Thị E có 05 người con gồm: ông Nguyễn Viết C (đã chết); ông Nguyễn Viết T (liệt sỹ); ông Nguyễn Viết H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M. Quá trình sử dụng đất cụ H, cụ E sử dụng liên tục cho đến khi chết. Sau khi cha mẹ chết, ông Nguyễn Viết H ở lại hương khói và trông coi tài sản liên tục 04 tháng và sau đó cứ hàng năm ông H về khoảng 7 đến 8 lần. Tài sản của cụ H và cụ E chưa thỏa thuận phân chia cho ai. Tuy nhiên, hiện nay bà Lê Thị X và anh Nguyễn Viết H đang sử dụng nhà và ở trên mảnh đất đó. Vì vậy, bà N, bà M yêu cầu bà X và anh H trả lại thửa đất đó để giải quyết yêu cầu chia thừa kế cho các đồng thừa kế.

**\* Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Viết S trình bày:** Trong quá trình thụ lý vụ án anh Sơn đang làm việc tại Hàn Quốc, hiện nay anh Sơn về Việt Nam tham gia để giải quyết vụ án. Đối với tài sản tranh chấp là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E (đều đã chết), cụ H và cụ E chết không để lại di chúc. cụ H và cụ E có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Viết C (đã chết); ông Nguyễn Viết T (Liệt sỹ); ông Nguyễn Viết H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M. Anh Sơn và anh Nguyễn Viết H là con của ông Nguyễn Viết C. Anh Nguyễn Viết H là con trai trưởng của ông Nguyễn Viết C, sống cùng ông bà từ lúc sinh ra đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**\* Tại văn bản số 3062/UBND-TNMT ngày 18/12/2023, văn bản số 16/UBND-TNMT ngày 03/01/2024 của UBND huyện T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của UBND huyện T trình bày:**

Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Viết H1. Theo bản đồ 299, sổ đăng ký 5b thể hiện tại thửa đất số 518, tờ bản đồ số 01, diện tích 706,0m<sup>2</sup>, chủ sử dụng là Nguyễn Viết H1. Theo bản đồ 371, thửa đất liên quan được thể hiện tại thửa 434, tờ bản đồ số 05, diện tích 1070m<sup>2</sup>, chủ sử dụng Nguyễn Viết H1, cụ Nguyễn Viết H1 được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số I564031, diện tích 1070m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 870m<sup>2</sup> đất vườn). Theo bản đồ đo đạc năm 2012 tại xã T, thể hiện thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16. Năm 2013, thực hiện cấp đổi GCNQSD đất theo dự án đo đạc bản đồ, thửa đất này được UBND huyện T cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BS 560070 ngày 31/12/2013, diện tích 1295,5m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 1095,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh mang tên Nguyễn Viết H1 và Nguyễn Thị E. cụ H và cụ E sử dụng đất liên tục từ trước ngày 18/12/1980 đến khi các cụ mất (cụ H chết tháng 2/2013, cụ E chết tháng 12/2013). Sau khi 02 cụ mất thửa đất trên không ai sử dụng. Anh Nguyễn Viết H là cháu nội của 02 cụ, sống với 02 cụ từ nhỏ đến năm 2017, năm 2018 anh H đi học và làm ăn ở Hà Nội, đến năm 2021 anh H về quê và tiếp tục sinh sống trên

thửa đất này. Hiện nay trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 60m<sup>2</sup>, được xây dựng vào năm 2009 và được tu sửa nâng cấp vào năm 2022.

Việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BS 560070 ngày 31/12/2013 cho cụ Nguyễn Việt H1 cụ Nguyễn Thị E là đúng quy định. Cụ Nguyễn Việt H1 và cụ Nguyễn Thị E có 05 người con: Ông Nguyễn Việt C sinh năm 1948, chết năm 2011, ông C có 02 người con là Nguyễn Việt H và Nguyễn Việt S; ông Nguyễn Việt H sinh năm 1950; ông Nguyễn Việt T sinh năm 1952, hy sinh năm 1971; bà Nguyễn Thị N sinh năm 1958; Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1963. cụ H, cụ E mất năm 2013 và không để lại di chúc. Có căn cứ xác định thửa đất có GCNQSD đất số BS 560070 ngày 31/12/2013 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Việt H1 cụ Nguyễn Thị E để lại. Do các đồng thừa kế không tự thỏa thuận được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***\* Tại văn bản số 144/UBND ngày 20/12/2023 của UBND xã T, huyện T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của UBND xã T trình bày:***

Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Việt H1. Theo bản đồ 299, sổ đăng ký 5b thể hiện tại thửa đất số 518, tờ bản đồ số 01. Diện tích 706,0m<sup>2</sup>, chủ sử dụng là Nguyễn Việt H1. Theo bản đồ 371, thửa đất liên quan được thể hiện tại thửa 434, tờ bản đồ số 05, diện tích 1070m<sup>2</sup>, chủ sử dụng Nguyễn Việt H1. Theo hồ sơ đo đạc mới thể hiện thửa đất tranh chấp thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, UBND huyện T cấp GCNQSD đất số BS 560070 ngày 31/12/2013, diện tích 1295,5m<sup>2</sup> mang tên Nguyễn Việt H1 và Nguyễn Thị E. UBND xã T đề nghị Tòa án hòa giải, trường hợp không thống nhất được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Ngày 21/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất tranh chấp.***

***Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có kết quả như sau:***

Diện tích thửa đất tranh chấp theo giấy chứng nhận QSDĐ BS 560070 thửa số 130, tờ bản đồ số 16, diện tích 1295,5m<sup>2</sup>, sau khi đo đạc hiện trạng sử dụng đất, diện tích hiện trạng thửa đất tranh chấp là 1190,5m<sup>2</sup>( 200m<sup>2</sup> đất ở; 990,5 m<sup>2</sup> đất vườn) có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp nương nội đồng dài 35,15m; phía Nam giáp đường liên thôn dài 5,04 + 2,72 + 4,2 m; phía Đông giáp đường nội Đồng và giếng xóm đèo; phía Tây giáp nhà thờ họ Nguyễn Việt và ông Nguyễn Việt Tịnh (Các đương sự, hộ liên kề đã thống nhất và xác định ranh giới thửa đất)

Tài sản trên đất gồm: Nhà 01 tầng, bê tông cốt thép kết hợp đá học, tường xây gạch đặc, nền lát gạch ceramic, tường sơn, mái bê tông cốt thép, hệ thống xà

gò gỗ, hệ thống điện nước khép kín, có diện tích 87,3m<sup>2</sup>; Mái che, cột thép ống khung sườn bằng ống thép, hộp thép tráng kẽm, lợp tôn màu, chống nóng có diện tích 65,5m<sup>2</sup>; Sân lát gạch ceramic diện tích 71,2m<sup>2</sup>; Móng hàng rào, hàng rào có diện tích 15,088m<sup>2</sup>; Cổng khung, lưới B40 diện tích 5,06m<sup>2</sup>; Cây cối gồm: Cây cau nhỏ hơn 02m: 01 cây; Cây cau lớn hơn 02m: 02 cây; Cây tre: 100 cây và 06 cây ăn quả khác.

***Theo biên bản định giá có kết quả như sau:***

Diện tích thửa đất tranh chấp 1190,5m<sup>2</sup> trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở; 990,5 m<sup>2</sup> đất vườn. Giá đất ở  $2.614.399 \times 200m^2 = 522.879.800$  đồng; Giá đất vườn  $53.600 \times 990,5m^2 = 53.090.800$  đồng. Tổng giá trị đất: 575.970.600 đồng.

Về tài sản trên đất: Nhà 01 tầng, diện tích 87,3 m<sup>2</sup>, có giá: 27.237.600 đồng; mái che, diện tích 65,5m<sup>2</sup> có giá 28.237.050 đồng; sân lát gạch ceramic, diện tích 71,2 m<sup>2</sup> có giá 15.058.800 đồng; móng hàng rào, diện tích 2,83m<sup>2</sup> có giá 2.678.120 đồng. Tường rào, diện tích 15,088m<sup>2</sup> có giá 3.691.531 đồng; cổng khung lưới B40, diện tích 5,06m<sup>2</sup> có giá 1.221.147 đồng; 01 cây cau < 2m có giá 100.000 đồng, 02 cây cau > 2m có giá 560.000 đồng; 100 cây tre có giá 1.000.000 đồng; 06 cây ăn quả khác có giá 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 81.584.247 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc chấp hành pháp luật của thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Áp dụng Điều 611, 612, 613, 620, 623, 650, 651, 652, 688 BLDS năm 2015; Điều 26, 34, 37, 92, 147, 157, 161, 165 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa XIV.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn, cụ thể:

Căn cứ vào hiện trạng thửa đất, sơ đồ vị trí thửa đất, vị trí ngôi nhà nằm vị trí gần giữa thửa đất, thửa đất giáp ranh với đường đất có diện tích hẹp, không đảm bảo quy định về đường giao thông nông thôn, khi phân chia đất cho các đồng thừa kế để đảm bảo có đường đi cho các đồng thừa kế cũng như đảm bảo về công năng sử dụng trên thực tế của các đồng thừa kế nên mở con đường rộng 03 mét. Như vậy diện tích đất còn lại để chia di sản thừa kế sau khi mở con đường rộng 03 mét, diện tích đường 88,9 m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại sau khi mở con đường để chia cho các thừa kế là: 1101,6m<sup>2</sup> (Diện tích đất ở: 200m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn: 901,6m<sup>2</sup>)

Như vậy, diện tích đất mỗi người được hưởng thừa kế cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Viết H mỗi người được hưởng 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>) trị giá 142.801.390 đồng; anh Nguyễn Viết S, anh Nguyễn Viết H mỗi người được hưởng 137,7m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 25m<sup>2</sup>, đất vườn 112,7m<sup>2</sup>) trị giá 71.400.695đồng. Tuy nhiên để đảm bảo công năng sử dụng cho anh Nguyễn Viết S cần giao phần diện tích này cho anh Nguyễn Viết H và anh Nguyễn Viết H có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 71.400.695đồng cho anh Nguyễn Viết S.

Anh Nguyễn Viết H được quản lý, sử dụng phần diện tích 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá trị giá 142.801.390 đồng và 01 nhà 01 tầng, trị giá trị giá 27.237.600 đồng, buộc anh Nguyễn Viết H tháo dỡ, di dời phần mái che, sân không thuộc phần đất được chia.

+ Đối với các tài sản trên đất khác, tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất nằm trên phần đất được chia cho người nào thì người đó được hưởng và không chia thừa kế nên không xem xét giải quyết.

Các đương sự có quyền liên hệ với UBND huyện T để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định.

- Buộc các đương sự phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, giám định, định giá theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Trên cơ sở tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, quá trình tranh tụng công khai, ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Viết H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Trong quá trình thụ lý vụ án, có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết S lao động tự do tại Hàn Quốc. Theo công văn xuất nhập cảnh số 117/QLXNC-P5 ngày 07/6/2023 thể hiện Nguyễn Viết S đã xuất cảnh 11 lần, xuất cảnh gần nhất 28/7/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Viết S đã về Việt Nam để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, 37, 38, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tố tụng trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" theo quy định tại khoản 5 Điều 26. Đồng thời, xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế thấy rằng:

2.1.1 Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E. Thửa đất tranh chấp có số Giấy CNQSD đất BS 560070 mang tên ông Nguyễn Viết H1 và bà Nguyễn Thị E, thửa số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 1295,5m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 1095,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) được cụ H, cụ E sử dụng và xây dựng 01 ngôi nhà 01 tầng để sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khẳng định thửa đất tranh chấp nói trên chưa phân chia thừa đất cho ai, ngôi nhà này do cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E xây dựng, tạo lập nên, ngôi nhà được xây dựng nhờ tiền hỗ trợ chính sách liệt sỹ từ Nhà nước, số tiền tích góp của các cụ và công sức đóng góp của con cháu. Hiện nay, anh Nguyễn Viết H đã sửa chữa nhà lợp mái che, lát sân và đang ở trên ngôi nhà 01 tầng trên thửa đất nói trên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết không phải chứng minh.

2.1.2 Về xác định di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E có tài sản chung là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích theo GCNQSD đất là 1295,5 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sau khi đo đạc thực tế hiện trạng thửa đất, được các đương sự và các hộ liền kề xác định ranh giới thửa đất có diện tích là 1190,5m<sup>2</sup>( 200m<sup>2</sup> đất ở; 990,5 m<sup>2</sup> đất vườn). Đối với tài sản trên đất gồm: Nhà 01 tầng, bê tông cốt thép kết hợp đá học, tường xây gạch đặc, nền lát gạch ceramic, tường sơn, mái bê tông cốt thép, hệ thống xà gồ gỗ, hệ thống điện nước khép kín, có diện tích 87,3m<sup>2</sup>; Mái che, cột thép ống khung sườn bằng ống thép, hộp thép tráng kẽm, lợp tôn màu, chống nóng có diện tích 65,5m<sup>2</sup>; Sân lát gạch ceramic diện tích 71,2m<sup>2</sup>; Móng hàng rào, hàng rào có diện tích 15,088m<sup>2</sup>; Cổng khung, lưới B40 diện tích 5,06m<sup>2</sup>; Cây cối gồm: Cây cau nhỏ hơn 02m: 01 cây; Cây cau lớn hơn 02m: 02 cây; Cây tre: 100 cây và 06 cây ăn quả khác.

Đối với tài sản trên đất là 01 ngôi nhà, căn cứ lời khai của các đương sự là của cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E xây dựng, tạo lập nên, ngôi nhà được xây dựng nhờ tiền hỗ trợ chính sách liệt sỹ từ Nhà nước, số tiền tích góp của các cụ và công sức đóng góp của con cháu, ngoài ra anh Nguyễn Viết H có sửa nhà và lợp mái, lát sân. Các đương sự có trình bày về số tiền và công sức



đóng góp, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cụ thể về số tiền đóng góp và xét thấy việc con cháu đóng góp công sức là nhằm xây dựng ngôi nhà cho các cụ. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và 01 ngôi nhà trên đất, các đương sự đều yêu cầu được chia đất và giữ nguyên ngôi nhà. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị N vừa là người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết S yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh theo hiện trạng, các đương sự đều yêu cầu được chia thửa đất, đối với ngôi nhà 01 tầng vì anh Nguyễn Viết H đang sinh sống và là chỗ ở duy nhất của anh Nguyễn Viết H nên không yêu cầu chia, các tài sản trên đất còn lại không yêu cầu chia mà các tài sản đó trên phần đất của ai thì người đó được nhận, phần này các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Như vậy, xác định di sản thừa kế cần chia thừa kế là diện tích theo hiện trạng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và 01 ngôi nhà 01 tầng.

2.1.3 Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E, đều chết vào 2013. Căn cứ theo quy định tại Điều 623, Điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế (di sản thừa kế của cụ H, cụ E để lại là quyền sử dụng đất). Ngày 21/12/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2.1.4 Về diện, hàng thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất có mối quan hệ huyết thống và cùng thống nhất cụ Nguyễn Viết H1 (chết năm 2013), cụ Nguyễn Thị E (chết năm 2013). Hai cụ sinh được 05 người con gồm: Ông Nguyễn Viết C (chết năm 2011), ông Nguyễn Viết H, ông Nguyễn Viết T (hy sinh năm 1971); Bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M; ông Nguyễn Viết C có vợ là bà Lê Thị Xuân và 02 con là anh Nguyễn Viết H, anh Nguyễn Viết S; ông Nguyễn Viết T hy sinh không có vợ con. Ngoài những người con nói trên không còn người con ruột, con riêng hay con nuôi nào khác.

Do đó, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Viết H1 và cụ Nguyễn Thị E là 05 người con: ông Nguyễn Viết C; ông Nguyễn Viết H; ông Nguyễn Viết T; bà Nguyễn Thị N; Bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, ông Nguyễn Viết C chết năm 2011, ông Nguyễn Viết T hy sinh năm 1971. Ông Nguyễn Viết C và ông Nguyễn Viết T đều chết trước Cụ E, cụ H1 (Cụ E, cụ H1 đều chết năm 2013). ông C có 02 người con là Nguyễn Viết H và Nguyễn Viết S nên thừa kế

thế vị của ông Nguyễn Viết C là anh Nguyễn Viết H, anh Nguyễn Viết S. Ông Nguyễn Viết T không có thừa kế thế vị. Như vậy, hàng thừa kế của cụ Nguyễn Viết H1, Nguyễn Thị E gồm: Ông Nguyễn Viết H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M, và các con của ông Nguyễn Viết C (anh Nguyễn Viết S, anh Nguyễn Viết H).

2.1.5 Về phân chia di sản thừa kế: Căn cứ quy định của pháp luật thì phần di sản của ông Nguyễn Viết H1, bà Nguyễn Thị E để lại, sẽ được chia cho 04 người con của cụ H, cụ E với 04 kỷ phần bằng nhau: Ông Nguyễn Viết H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Viết C (anh Nguyễn Viết S, anh Nguyễn Viết H là thừa kế thế vị của ông Nguyễn Viết C nên mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  kỷ phần). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, theo lời khai của các đương sự đều khẳng định anh H có sửa chữa ngôi nhà và sống ở trên thửa đất từ khi nhỏ với các cụ, sau khi lớn lên đi học tập làm việc và trở về ở trên nhà của các cụ nên khi chia di sản thừa kế cần tính đến công sức đóng góp, tôn tạo, giữ gìn thửa đất, sửa chữa ngôi nhà của anh Nguyễn Viết H. Sau khi xem xét hiện trạng thửa đất tranh chấp, trên thửa đất có ngôi nhà 01 tầng, mái che và sân đang do anh Nguyễn Viết H quản lý, sử dụng. Xét thấy, anh Nguyễn Viết H là con trai trưởng của ông Nguyễn Viết C, là cháu đích tôn của cụ H và cụ E, anh H sinh sống với các cụ từ nhỏ sau đó đi học tập và làm ăn xa, sau khi 02 cụ chết, đến năm 2021, do thửa đất để hoang không có người sử dụng, quản lý nên anh Nguyễn Viết H trở về sinh sống tại thửa đất và quản lý di sản và thực hiện việc thờ cúng cụ H và cụ E từ đó đến nay. Quá trình sinh sống và quản lý tại thửa đất anh Nguyễn Viết H đã tôn tạo, sửa chữa đối với tài sản trên đất và coi nói xây dựng thêm đối với phần sân, mái che có giá trị 43.295.850 đồng (Theo kết quả tại biên bản thẩm định định giá và các đồng thừa kế thừa nhận phần sân, mái che này anh H xây dựng thêm) và đây là chỗ ở duy nhất của anh Nguyễn Viết H. Ông Nguyễn Viết H, bà N Thị Nguyệt, Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết S đã có nhà ở chỗ khác, bà Nguyễn Thị Xuân chỉ hương khói thờ cúng và đã có chỗ ở khác. Ngoài ra, tại phiên tòa các thừa kế khác không yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà, vì anh H đang sống trên nhà nên đồng ý giao nhà cho anh H và không yêu cầu trích giá trị bằng tiền cho các thừa kế còn lại. Xét thấy, anh Nguyễn Viết H có công sức quản lý, tôn tạo, sửa chữa, xây thêm phần sân và mái che và theo ý kiến của các đương sự nên cần giao 01 ngôi nhà 01 tầng và vị trí thửa đất có ngôi nhà cho anh Nguyễn Viết H để đảm bảo quyền lợi cho anh Nguyễn Viết H có chỗ ở, buộc anh Nguyễn Viết H tháo dỡ, di dời phần mái che, phần sân trên phần đất không thuộc phần đất anh Nguyễn Viết H được chia.

Đối với di sản thừa kế là tài sản trên đất gồm phần móng hàng rào, tường rào, cổng khung lưới B40; phần cây cối, các đương sự yêu cầu thuộc phần đất của ai người đó được hưởng, không yêu cầu nên miễn xét.

Căn cứ vào hiện trạng thửa đất, sơ đồ vị trí thửa đất, vị trí ngôi nhà nằm vị trí gần giữa thửa đất, thửa đất giáp ranh với đường đất có diện tích hẹp, không đảm bảo quy định về đường giao thông nông thôn, các đồng thừa kế đều yêu cầu được chia đất. Tuy nhiên, nếu phân chia đất cho các đồng thừa kế, mặt tiền thửa đất hẹp, và không có đường đi nên khi phân chia đất cho các đồng thừa kế để đảm bảo có đường đi cho các đồng thừa kế cũng như đảm bảo về công năng sử dụng trên thực tế của các đồng thừa kế nên mở con đường rộng 03 mét. Như vậy, diện tích đất còn lại để chia di sản thừa kế sau khi mở con đường rộng 03 mét, diện tích đường 88,9 m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại sau khi mở con đường để chia cho các thừa kế là: 1101,6m<sup>2</sup> (Diện tích đất ở: 200m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn: 901,6m<sup>2</sup>)

Như vậy, diện tích đất mỗi người được hưởng thừa kế cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Việt H mỗi người được hưởng 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>) có giá trị 142.801.390 đồng; anh Nguyễn Việt S, anh Nguyễn Việt H mỗi người được hưởng 137,7m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 25m<sup>2</sup>, đất vườn 112,7m<sup>2</sup>) có giá trị 71.400.695đồng.

Tuy nhiên, do ngôi nhà trên thửa đất tranh chấp nằm gần giữa thửa đất, khi phân chia diện tích đất cho các thừa kế sẽ gặp khó khăn, hình dạng sau khi chia thửa đất có chiều dài dài, mặt tiền hẹp nên khi chia có một phần diện tích được chia không có đường đi. Xét thấy, diện tích đất mà anh Nguyễn Việt S được hưởng thừa kế có diện tích nhỏ, khi chia sẽ không đảm bảo về công năng sử dụng trên thực tế của thửa đất và anh Nguyễn Việt S hiện tại đang sinh sống ổn định trên thửa đất khác. Vì vậy, để đảm bảo việc chia di sản thừa kế đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các thừa kế cần phải giao diện tích đất mà anh Nguyễn Việt S được hưởng thừa kế cho anh Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Việt H có trách nhiệm thanh toán bằng tiền tương ứng với diện tích đất 137,7m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 25m<sup>2</sup>, đất vườn 112,7m<sup>2</sup>) mà anh Nguyễn Việt S được hưởng là: 71.400.695đồng.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ H, cụ E cho các thừa kế như sau:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị N được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá 142.801.390 đồng, có tứ cận:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03m, dài 4,32m
- Phía Tây: Giáp đất nhà thờ họ Nguyễn Việt, đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 11,85m+17,01m+0,68m
- Phía Nam: Giáp đường bê tông dài 4,21m+2,72m+4,38m

- Phía Bắc: Giáp với phần đất giao cho anh Nguyễn Việt H dài 5,89m+8,03m+6,39m+10,77m.

+ Giao anh Nguyễn Việt H được quản lý, sử dụng phần diện tích 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá trị giá 142.801.390 đồng và 01 nhà 01 tầng, trị giá trị giá 27.237.600 đồng, buộc anh Nguyễn Việt H tháo dỡ, di dời phần mái che, sân không thuộc phần đất được chia. Phần diện tích đất được giao có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03 m, dài 13,01m

- Phía Tây: Giáp đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 5,14m

- Phía Nam: Giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị N, dài 5,89m+8,03m+6,39m+10,77m.

- Phía Bắc: Giáp thửa đất giao cho Bà Nguyễn Thị M dài 7,66m+ 6,75m+ 12,37m.

+ Giao cho Bà Nguyễn Thị M được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá 142.801.390 đồng có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03 m, dài 6,81 m

- Phía Tây: Giáp đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 11,51m

- Phía Nam: Giáp thửa đất giao cho anh Nguyễn Việt H dài 7,66m+ 6,75m+ 12,37m.

- Phía Bắc: Giáp đất giao cho ông Nguyễn Việt H dài 30,93m.

+ Giao cho ông Nguyễn Việt H được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá trị giá 142.801.390 đồng có tứ cận:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03 m, dài 8,77m.

- Phía Tây: Giáp đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 8,96,.

- Phía Nam: Giáp đất giao cho Bà Nguyễn Thị M dài 30,93m

- Phía Bắc: Giáp nương nội đồng dài 32,16m

+ Mở 01 con đường rộng 03m, có diện tích 88,9m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp nương nội đồng dài 03m

- Phía Nam giáp đường đất, dài 0,65m+ 3,08m+ 3,85m,

- Phía Đông giáp đường đất dài 25,01m

- Phía Tây giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Việt H, Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Việt H, dài 4,32m+ 13,01m+6,81m+8,77m.

+ Buộc anh Nguyễn Việt H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 71.400.695 đồng cho anh Nguyễn Việt S.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

*(Cụ thể phần đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo bản án)*

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1 Về án phí: Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 15; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

Phần đất giao cho anh Nguyễn Việt H có diện tích 275,4m<sup>2</sup> trị giá 142.801.390đồng và 01 ngôi nhà trị giá 27.237.600đồng nên anh H phải chịu 4.250.975đồng án phí dân sự sơ thẩm; phần giá trị tài sản anh Nguyễn Việt S được nhận tương ứng với diện tích đất 137,7m<sup>2</sup> có giá 71.400.695 đồng nên anh Sơn phải chịu 1.785.017 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 7.899.688 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Nguyễn Việt H đã nộp toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí. Nay buộc các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H số tiền tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, 37, 38, 39, Điều 48, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, 99 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ Điều 12, Điều 15; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Việt H về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Việt H1, Nguyễn Thị E.

1.1 Giao cho bà Nguyễn Thị N được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá 142.801.390 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm linh một ngàn ba trăm chín mươi đồng), có tứ cận:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03m, dài 4,32m

- Phía Tây: Giáp đất nhà thờ họ Nguyễn Việt, đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 11,85m+17,01m+0,68m

- Phía Nam: Giáp đường bê tông dài 4,21m+2,72m+4,38m

- Phía Bắc: Giáp với phần đất giao cho anh Nguyễn Việt H dài 5,89m+8,03m+6,39m+10,77m.

1.2. Giao anh Nguyễn Việt H được quản lý, sử dụng phần diện tích 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá 142.801.390 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm linh một ngàn ba trăm chín mươi đồng) và 01 nhà 01 tầng, trị giá 27.237.600 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm đồng); buộc anh Nguyễn Việt H tháo dỡ, di dời phần mái che, sân không thuộc phần đất được chia. Phần diện tích đất được giao có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03 m, dài 13,01m

- Phía Tây: Giáp đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 5,14m

- Phía Nam: Giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị N, dài 5,89m+8,03m+6,39m+10,77m.

- Phía Bắc: Giáp thửa đất giao cho Bà Nguyễn Thị M dài 7,66m+6,75m+ 12,37m.

1.3 Giao cho Bà Nguyễn Thị M được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá 142.801.390 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm linh một ngàn ba trăm chín mươi đồng) có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03 m, dài 6,81 m

- Phía Tây: Giáp đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 11,51m

- Phía Nam: Giáp thửa đất giao cho anh Nguyễn Việt H dài 7,66m+6,75m+ 12,37m.

- Phía Bắc: Giáp đất giao cho ông Nguyễn Việt H dài 30,93m.

1.4. Giao cho ông Nguyễn Việt H được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 275,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 50m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn: 225,4m<sup>2</sup>), trị giá 142.801.390 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm linh một ngàn ba trăm chín mươi đồng) có tứ cận:

- Phía Đông: Giáp con đường mở rộng 03 m, dài 8,77m.

- Phía Tây: Giáp đất ông Nguyễn Việt Tịnh dài 8,96,.

- Phía Nam: Giáp đất giao cho Bà Nguyễn Thị M dài 30,93m

- Phía Bắc: Giáp ruộng nội đồng dài 32,16m

2. Mở 01 con đường rộng 03m, có diện tích 88,9m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp mương nội đồng dài 03m

- Phía Nam giáp đường đất, dài 0,65m+ 3,08m+ 3,85m,

- Phía Đông giáp đường đất dài 25,01m

- Phía Tây giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Việt H, Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Việt H, dài 4,32m+ 13,01m+6,81m+8,77m.

3. Buộc anh Nguyễn Việt H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 71.400.695 đồng (Bảy mươi một triệu bốn trăm ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng) cho anh Nguyễn Việt S.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

*(Cụ thể phân đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo bản án)*

4. Về chi phí tố tụng:

4.1 Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M.

- Anh Nguyễn Việt H phải chịu 4.250.975 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Việt S phải chịu 1.785.017 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.899.688 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi tám đồng). Buộc anh Nguyễn Việt H phải chịu 2.005.655 đồng ( Hai triệu không trăm linh năm ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng); bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.684.009 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn không trăm linh chín đồng), Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.684.009 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn không trăm linh chín đồng); anh Nguyễn Việt S phải chịu 842.005 đồng (Tám trăm bốn mươi hai ngàn không trăm linh năm đồng). Do số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Việt H đã nộp tạm ứng nên cần buộc anh Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Thị N, Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Việt S phải trả lại số tiền này cho ông Nguyễn Việt H.

*Về nghĩa vụ thi hành án: “Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,*

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**